

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 167/2023/TLST-DS ngày 28-12-2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số 0 Đoàn Thị Đ, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Tống Đức N, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số 17 Nguyễn Đ, thị trấn Phú H, huyện Chư P, tỉnh G.

Bị đơn: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1966. Địa chỉ: m Hoàng Văn Th, thành phố K, tỉnh K

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Trần Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Mỹ D số tiền gốc 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Bà D không yêu cầu trả lãi. Thời gian và phương thức trả tiền như sau:

- + Ngày 15/5/2024, trả 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng);
- + Ngày 15/9/2024, trả 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng);
- + Ngày 15/12/2024, trả 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

Trong trường hợp bà Trần Thị Thu T vi phạm nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ trong bất kỳ đợt thanh toán trả nợ nào, thì ngay sau đó bà Trần Thị Mỹ D có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền còn nợ.

2.2. Nghĩa vụ trả lãi chậm thi hành án: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm tương ứng với số tiền chậm thanh toán.

Đồng thời, trường hợp bà Trần Thị Thu T vi phạm nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ trong bất kỳ đợt thanh toán trả nợ nào, thì ngay sau đó bà Trần Thị Mỹ D có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền còn nợ.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 143, 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Bà Trần Thị Thu T phải chịu 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

+ Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Mỹ D 45.385.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000640 ngày 28/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP K.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

MAI THỊ THU

Mai Thị Thu

